

# **Công ty Cổ phần Dược phẩm Trung ương Codupha**

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021



# Công ty Cổ phần Dược phẩm Trung ương Codupha

## MỤC LỤC

	<i>Trang</i>
Thông tin chung	1
Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc	2
Báo cáo kiểm toán độc lập	3 - 4
Bảng cân đối kế toán hợp nhất	5 - 6
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất	7 - 8
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất	9 - 10
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất	11 - 42

# Công ty Cổ phần Dược phẩm Trung ương Codupha

## THÔNG TIN CHUNG

### CÔNG TY

Công ty Cổ phần Dược phẩm Trung ương Codupha ("Công ty") là một công ty cổ phần được thành lập theo Luật Doanh nghiệp của Việt Nam theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp ("GCNĐKDN") số 0300483319 do Sở Kế hoạch và Đầu tư ("SKHĐT") Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 18 tháng 8 năm 2010, và theo các GCNĐKDN điều chỉnh.

Ngày 11 tháng 6 năm 2015, Công ty được cổ phần hóa theo Quyết định số 2254/QĐ-BYT của Bộ Y Tế. Việc cổ phần hóa đã được SKHĐT Thành phố Hồ Chí Minh đồng thuận bằng việc cấp GCNĐKDN điều chỉnh lần thứ 9 ngày 4 tháng 1 năm 2016.

Ngày 6 tháng 7 năm 2018, cổ phiếu của Công ty chính thức giao dịch trên thị trường giao dịch chứng khoán của các công ty đại chúng chưa niêm yết ("UPCOM") với mã chứng khoán CDP.

Hoạt động chính trong năm hiện tại của Công ty là bán buôn và bán lẻ thuốc, dụng cụ y tế, mỹ phẩm và vật phẩm vệ sinh.

Công ty có trụ sở chính đăng ký tại Lầu 2,3,4,5,6, Tòa nhà 509 – 515 Tô Hiến Thành, Phường 14, Quận 10, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam. Ngoài ra, Công ty còn có sáu (6) chi nhánh tọa lạc tại các tỉnh/thành phố khác tại Việt Nam.

### HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Các thành viên Hội đồng Quản trị trong năm và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Ông Lê Văn Sơn	Chủ tịch	
Ông Phạm Thứ Triệu	Thành viên	
Ông Bùi Hữu Hiền	Thành viên	
Bà Đình Thị Khởi	Thành viên	bổ nhiệm ngày 17 tháng 5 năm 2021
Ông Trần Anh Tuấn	Thành viên	bổ nhiệm ngày 17 tháng 5 năm 2021
Ông Trần Anh Vương	Thành viên	miễn nhiệm ngày 17 tháng 5 năm 2021
Ông Lê Văn Minh	Thành viên	miễn nhiệm ngày 17 tháng 5 năm 2021

### BAN KIỂM SOÁT

Các thành viên Ban Kiểm soát trong năm và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Bà Chu Thị Bích Hồng	Trưởng ban
Ông Trương Chí Thiện	Thành viên
Ông Nguyễn Văn Khải	Thành viên

### BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Các thành viên Ban Tổng Giám đốc trong năm và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Ông Bùi Hữu Hiền	Tổng Giám đốc
Bà Đình Thị Khởi	Phó Tổng Giám đốc

### NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong năm và vào ngày lập báo cáo này là Ông Lê Văn Sơn.

Ông Bùi Hữu Hiền được Ông Lê Văn Sơn ủy quyền để ký báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021 theo Giấy Ủy quyền ngày 4 tháng 1 năm 2022.

### KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Ernst & Young Việt Nam là công ty kiểm toán cho Công ty.

# Công ty Cổ phần Dược phẩm Trung ương Codupha

## BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Dược phẩm Trung ương Codupha ("Công ty") hân hạnh trình bày báo cáo này và báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty và công ty con (sau đây gọi chung là "Nhóm Công ty") cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021.

### TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo báo cáo tài chính hợp nhất cho từng năm tài chính phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Nhóm Công ty trong năm. Trong quá trình lập báo cáo tài chính hợp nhất này, Ban Tổng Giám đốc cần phải:

- lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- thực hiện các đánh giá và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Nhóm Công ty có được tuân thủ hay không và tất cả những sai lệch trọng yếu so với những chuẩn mực này đã được trình bày và giải thích trong báo cáo tài chính hợp nhất; và
- lập báo cáo tài chính hợp nhất trên cơ sở nguyên tắc hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Nhóm Công ty sẽ tiếp tục hoạt động.

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo việc các sổ sách kế toán thích hợp được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính hợp nhất của Nhóm Công ty, với mức độ chính xác hợp lý, tại bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng các sổ sách kế toán tuân thủ với chế độ kế toán đã được áp dụng. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm về việc quản lý các tài sản của Nhóm Công ty và do đó phải thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và những vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc cam kết đã tuân thủ những yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo.

### CÔNG BỐ CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Theo ý kiến của Ban Tổng Giám đốc, báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất của Nhóm Công ty vào ngày 31 tháng 12 năm 2021, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc:



Bùi Hữu Hiền  
Tổng Giám đốc

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Ngày 28 tháng 3 năm 2022

Số tham chiếu: 61516341/22631183 - HN

## **BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP**

**Kính gửi: Quý Cổ đông của Công ty Cổ phần Dược phẩm Trung ương Codupha**

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm của Công ty Cổ phần Dược phẩm Trung ương Codupha (“Công ty”) và công ty con (sau đây được gọi chung là “Nhóm Công ty”), được lập ngày 28 tháng 3 năm 2022 và được trình bày từ trang 5 đến trang 42, bao gồm bảng cân đối kế toán hợp nhất vào ngày 31 tháng 12 năm 2021, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, và các thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo.

### ***Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc***

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính hợp nhất của Nhóm Công ty theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

### ***Trách nhiệm của Kiểm toán viên***

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính hợp nhất dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính hợp nhất của Nhóm Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính hợp nhất. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính hợp nhất do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Nhóm Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Nhóm Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính hợp nhất.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp để làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

### **Ý kiến của Kiểm toán viên**

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính hợp nhất của Nhóm Công ty vào ngày 31 tháng 12 năm 2021, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.

### **Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Ernst & Young Việt Nam**



Trần Nam Dũng  
Phó Tổng Giám đốc  
Giấy CNĐKHN kiểm toán  
Số: 3021-2019-004-1



Tôn Thiện Bảo Ngọc  
Kiểm toán viên  
Giấy CNĐKHN kiểm toán  
Số: 4177-2022-004-1

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Ngày 28 tháng 3 năm 2022

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2021

VND

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
<b>100</b>	<b>A. TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>		<b>1.802.709.366.232</b>	<b>1.992.076.811.758</b>
<b>110</b>	<b>I. Tiền</b>		<b>87.322.037.471</b>	<b>32.659.514.174</b>
111	1. Tiền	4	87.322.037.471	32.659.514.174
<b>120</b>	<b>II. Đầu tư tài chính ngắn hạn</b>		-	<b>10.126.027.397</b>
121	1. Chứng khoán kinh doanh		-	10.126.027.397
<b>130</b>	<b>III. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>		<b>1.039.279.227.543</b>	<b>1.154.742.367.988</b>
131	1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	5	933.652.441.929	1.035.863.747.278
132	2. Trả trước cho người bán ngắn hạn		11.932.391.390	50.685.072.337
136	3. Phải thu ngắn hạn khác	6	95.678.185.393	69.615.670.875
137	4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	5, 7	(1.983.791.169)	(1.422.122.502)
<b>140</b>	<b>IV. Hàng tồn kho</b>	<b>8</b>	<b>661.465.966.535</b>	<b>774.743.840.683</b>
141	1. Hàng tồn kho		665.380.575.041	776.779.543.857
149	2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho		(3.914.608.506)	(2.035.703.174)
<b>150</b>	<b>V. Tài sản ngắn hạn khác</b>		<b>14.642.134.683</b>	<b>19.805.061.516</b>
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn	9	2.920.324.977	2.121.312.550
152	2. Thuế GTGT được khấu trừ	15	11.693.137.995	17.415.575.687
153	3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	15	28.671.711	268.173.279
<b>200</b>	<b>B. TÀI SẢN DÀI HẠN</b>		<b>233.592.423.215</b>	<b>244.747.812.043</b>
<b>210</b>	<b>I. Khoản phải thu dài hạn</b>		<b>1.662.000.000</b>	-
216	1. Phải thu dài hạn khác	6	1.662.000.000	-
<b>220</b>	<b>II. Tài sản cố định</b>		<b>193.273.186.314</b>	<b>206.289.179.998</b>
221	1. Tài sản cố định hữu hình	10	108.120.220.690	118.255.565.887
222	Nguyên giá		202.455.194.643	209.789.574.892
223	Giá trị khấu hao lũy kế		(94.334.973.953)	(91.534.009.005)
227	2. Tài sản cố định vô hình	11	85.152.965.624	88.033.614.111
228	Nguyên giá		97.325.036.143	97.764.820.793
229	Giá trị hao mòn lũy kế		(12.172.070.519)	(9.731.206.682)
<b>240</b>	<b>III. Tài sản dở dang dài hạn</b>		<b>1.479.872.301</b>	<b>1.840.948.000</b>
242	1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	12	1.479.872.301	1.840.948.000
<b>250</b>	<b>IV. Đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>13</b>	<b>34.148.162.580</b>	<b>34.062.722.071</b>
252	1. Đầu tư vào công ty liên kết		4.675.677.857	4.590.237.348
253	2. Đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác		29.472.484.723	29.472.484.723
<b>260</b>	<b>V. Tài sản dài hạn khác</b>		<b>3.029.202.020</b>	<b>2.554.961.974</b>
261	1. Chi phí trả trước dài hạn	9	3.029.202.020	2.554.961.974
<b>270</b>	<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>		<b>2.036.301.789.447</b>	<b>2.236.824.623.801</b>

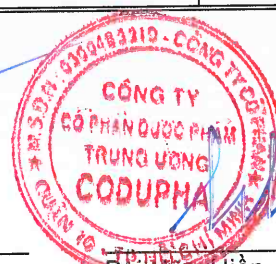
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2021

VND

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
<b>300</b>	<b>C. NỢ PHẢI TRẢ</b>		<b>1.825.252.487.510</b>	<b>2.025.379.973.943</b>
<b>310</b>	<b>I. Nợ ngắn hạn</b>		<b>1.774.998.135.510</b>	<b>1.969.498.445.943</b>
311	1. Phải trả người bán ngắn hạn	14.1	895.730.915.005	1.090.950.000.036
312	2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	14.2	47.594.437.535	35.797.263.412
313	3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	15	1.576.432.898	3.703.167.582
314	4. Phải trả người lao động		2.822.589.320	6.682.384.131
315	5. Chi phí phải trả ngắn hạn	16	1.432.881.845	2.144.787.938
319	6. Phải trả ngắn hạn khác	17	34.027.581.372	27.696.377.902
320	7. Vay ngắn hạn	18	789.282.650.586	802.524.464.942
322	8. Quỹ khen thưởng, phúc lợi		2.530.646.949	-
<b>330</b>	<b>II. Nợ dài hạn</b>		<b>50.254.352.000</b>	<b>55.881.528.000</b>
331	1. Phải trả người bán dài hạn	14.1	12.000.000.000	12.000.000.000
338	2. Vay dài hạn	18	38.254.352.000	43.881.528.000
<b>400</b>	<b>D. VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>		<b>211.049.301.937</b>	<b>211.444.649.858</b>
<b>410</b>	<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>		<b>211.049.301.937</b>	<b>211.444.649.858</b>
411	1. Vốn cổ phần	19.1	182.700.000.000	182.700.000.000
411a	- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết		182.700.000.000	182.700.000.000
414	2. Vốn khác của chủ sở hữu	19.1	213.663.933	213.663.933
415	3. Cổ phiếu quỹ	19.1	(586.200.000)	(586.200.000)
417	4. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	19.1	(2.142.623.396)	3.872.001.747
418	5. Quỹ đầu tư phát triển	19.1	9.071.115.794	9.071.115.794
421	6. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	19.1	20.745.617.492	14.733.782.808
421a	- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước		9.233.782.808	8.832.616.509
421b	- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối năm nay		11.511.834.684	5.901.166.299
429	7. Lợi ích cổ đông không kiểm soát	20	1.047.728.114	1.440.285.576
<b>440</b>	<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b>		<b>2.036.301.789.447</b>	<b>2.236.824.623.801</b>

Ngô Anh Tuấn  
Người lập

Ngô Thị Bích Thảo  
Kế toán trưởng



Bùi Hữu Hiền  
Tổng Giám đốc

Ngày 28 tháng 3 năm 2022



**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT**  
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
01	1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	21.1	2.484.193.482.459	2.978.279.079.819
02	2. Các khoản giảm trừ doanh thu	21.1	(33.804.743.949)	(21.138.346.619)
10	3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	21.1	2.450.388.738.510	2.957.140.733.200
11	4. Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp	22	(2.286.264.722.189)	(2.761.472.255.832)
20	5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ		164.124.016.321	195.668.477.368
21	6. Doanh thu hoạt động tài chính	21.2	24.348.250.311	18.759.703.029
22	7. Chi phí tài chính	24	(36.619.710.529)	(48.263.853.781)
23	Trong đó: Chi phí lãi vay		(36.235.302.435)	(43.735.815.603)
24	8. Phần lãi trong công ty liên kết	13.1	85.440.509	303.583.604
25	9. Chi phí bán hàng	23	(97.111.654.566)	(101.025.345.284)
26	10. Chi phí quản lý doanh nghiệp	23	(33.932.897.034)	(35.781.387.861)
30	11. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		20.893.445.012	29.661.177.075
31	12. Thu nhập khác	25	889.479.147	121.496.186
32	13. Chi phí khác	25	(302.373.794)	(1.150.021.188)
40	14. Lợi nhuận (lỗ) khác	25	587.105.353	(1.028.525.002)
50	15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		21.480.550.365	28.632.652.073
51	16. Chi phí thuế TNDN hiện hành	27.1	(4.456.874.654)	(9.970.804.933)
60	17. Lợi nhuận sau thuế TNDN		17.023.675.711	18.661.847.140

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT (tiếp theo)  
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
61	18. Lợi nhuận sau thuế của cổ đông công ty mẹ		17.011.834.684	18.647.326.299
62	19. Lợi nhuận sau thuế của cổ đông không kiểm soát		11.841.027	14.520.841
70	20. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	19.5	632	722
71	21. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	19.5	632	722



Ngô Anh Tuấn  
Người lập



Ngô Thị Bích Thảo  
Kế toán trưởng



Bùi Hữu Hiền  
Tổng Giám đốc

Ngày 28 tháng 3 năm 2022

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT  
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
<b>01</b>	<b>I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH</b> <b>Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế</b>		<b>21.480.550.365</b>	<b>28.632.652.073</b>
	<i>Điều chỉnh cho các khoản:</i>			
02	Khấu hao và hao mòn	10, 11	14.569.122.949	15.402.631.007
03	Trích lập (hoàn nhập) các khoản dự phòng	5, 8	2.440.573.999	(468.142.724)
04	Lãi chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ		(1.324.671.335)	(143.428.934)
05	(Lãi) lỗ từ hoạt động đầu tư		(1.021.102.312)	510.241.708
06	Chi phí lãi vay	24	36.235.302.435	43.735.815.603
<b>08</b>	<b>Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động</b>		<b>72.379.776.101</b>	<b>87.669.768.733</b>
09	Giảm (tăng) các khoản phải thu		115.197.498.972	(230.128.017.318)
10	Giảm (tăng) hàng tồn kho		111.398.968.816	(215.734.558.624)
11	(Giảm) tăng các khoản phải trả		(166.898.714.485)	317.930.202.753
12	(Tăng) giảm chi phí trả trước		(1.273.252.473)	1.636.582.018
13	Giảm (tăng) chứng khoán kinh doanh		10.126.027.397	(10.126.027.397)
14	Tiền lãi vay đã trả		(36.217.095.979)	(44.127.337.585)
15	Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	(6.746.175.579)	(7.687.062.842)
17	Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh		(5.004.440.000)	(5.386.535.200)
<b>20</b>	<b>Lưu chuyển tiền thuần từ (sử dụng vào) hoạt động kinh doanh</b>		<b>92.962.592.770</b>	<b>(105.952.985.462)</b>
	<b>II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ</b>			
21	Tiền chi để mua sắm tài sản cố định ("TSCĐ")		(2.072.779.165)	(4.461.781.379)
22	Tiền thu do thanh lý TSCĐ		414.181.818	-
26	Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		-	823.697.383
27	Lãi tiền gửi và cổ tức nhận được		521.479.985	2.293.220.210
<b>30</b>	<b>Lưu chuyển tiền thuần sử dụng vào hoạt động đầu tư</b>		<b>(1.137.117.362)</b>	<b>(1.344.863.786)</b>

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT (tiếp theo)  
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

VND

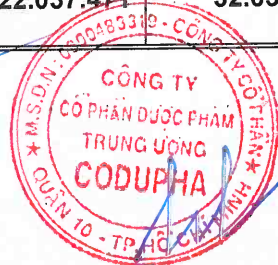
Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
	<b>III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH</b>			
33	Tiền thu từ đi vay	18	1.856.208.614.625	1.762.606.613.903
34	Tiền trả nợ gốc vay	18	(1.867.772.744.818)	(1.678.703.024.861)
36	Cổ tức đã trả cho cổ đông công ty mẹ	19.2	(12.742.920.500)	(12.133.329.000)
<b>40</b>	<b>Lưu chuyển tiền thuần (sử dụng vào) từ hoạt động tài chính</b>		<b>(24.307.050.693)</b>	<b>71.770.260.042</b>
<b>50</b>	<b>Lưu chuyển tiền thuần trong năm</b>		<b>67.518.424.715</b>	<b>(35.527.589.206)</b>
<b>60</b>	<b>Tiền đầu năm</b>		<b>32.659.514.174</b>	<b>68.466.320.851</b>
61	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ		(12.855.901.418)	(279.217.471)
<b>70</b>	<b>Tiền cuối năm</b>	<b>4</b>	<b>87.322.037.471</b>	<b>32.659.514.174</b>



Ngô Anh Tuấn  
Người lập



Ngô Thị Bích Thảo  
Kế toán trưởng



Bùi Hữu Hiền  
Tổng Giám đốc

Ngày 28 tháng 3 năm 2022

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

vào ngày 31 tháng 12 năm 2021 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

**1. THÔNG TIN VỀ CÔNG TY**

Công ty Cổ phần Dược phẩm Trung ương Codupha (“Công ty”) là một công ty cổ phần được thành lập theo Luật Doanh nghiệp của Việt Nam theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp (“GCNĐKDN”) số 0300483319 do Sở Kế hoạch và Đầu tư (“SKHĐT”) Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 18 tháng 8 năm 2010, và theo các GCNĐKDN điều chỉnh.

Ngày 11 tháng 6 năm 2015, Công ty được cổ phần hóa theo Quyết định số 2254/QĐ-BYT của Bộ Y Tế. Việc cổ phần hóa đã được SKHĐT Thành phố Hồ Chí Minh đồng thuận bằng việc cấp GCNĐKDN điều chỉnh lần thứ 9 ngày 4 tháng 1 năm 2016.

Ngày 6 tháng 7 năm 2018, cổ phiếu của Công ty chính thức giao dịch trên thị trường giao dịch chứng khoán của các công ty đại chúng chưa niêm yết (“UPCOM”) với mã chứng khoán CDP.

Hoạt động chính trong năm hiện tại của Công ty là bán buôn và bán lẻ thuốc, dụng cụ y tế, mỹ phẩm và vật phẩm vệ sinh.

Công ty có trụ sở chính đăng ký tại Lầu 2,3,4,5,6, Tòa nhà 509 – 515 Tô Hiến Thành, Phường 14, Quận 10, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam. Ngoài ra, Công ty còn có sáu (6) chi nhánh toạ lạc tại các tỉnh/thành phố khác tại Việt Nam.

Số lượng công nhân viên của Nhóm Công ty vào ngày 31 tháng 12 năm 2021 là 493 (31 tháng 12 năm 2020: 557).

Công ty có một công ty con, Công ty TNHH Dược phẩm Codupha-Lào (“Codupha-Lào”) là một công ty trách nhiệm hữu hạn được thành lập theo Luật Doanh nghiệp của Lào theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh số 053-04 do Bộ Kế hoạch và Đầu tư Lào cấp ngày 31 tháng 5 năm 2004, và các Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh điều chỉnh. Codupha-Lào có trụ sở chính tại số 253, đường Vieng Chaluen, Quận Saysetta, Thủ đô Vientiane, Lào. Hoạt động chính trong năm hiện tại của Codupha-Lao là sản xuất và kinh doanh dược phẩm.

**2. CƠ SỞ TRÌNH BÀY**

**2.1 Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng**

Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty và công ty con (“Nhóm Công ty”) được trình bày bằng đồng Việt Nam (“VND”) phù hợp với Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các Chuẩn mực kế toán Việt Nam do Bộ Tài chính ban hành theo:

- Quyết định số 149/2001/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2001 về việc ban hành bốn Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 1);
- Quyết định số 165/2002/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2002 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 2);
- Quyết định số 234/2003/QĐ-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2003 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 3);
- Quyết định số 12/2005/QĐ-BTC ngày 15 tháng 2 năm 2005 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 4); và
- Quyết định số 100/2005/QĐ-BTC ngày 28 tháng 12 năm 2005 về việc ban hành bốn Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 5).

Theo đó, báo cáo tài chính hợp nhất được trình bày kèm theo và việc sử dụng báo cáo này không dành cho các đối tượng không được cung cấp các thông tin về các thủ tục và nguyên tắc và thông lệ kế toán tại Việt Nam và hơn nữa không được chủ định trình bày tình hình tài chính hợp nhất, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận rộng rãi ở các nước và lãnh thổ khác ngoài Việt Nam.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2021 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

**2. CƠ SỞ TRÌNH BÀY (tiếp theo)**

**2.2 Hình thức sổ kế toán áp dụng**

Hình thức sổ kế toán được áp dụng của Nhóm Công ty là Nhật ký chung.

**2.3 Kỳ kế toán năm**

Kỳ kế toán năm của Nhóm Công ty áp dụng cho việc lập báo cáo tài chính hợp nhất bắt đầu từ ngày 1 tháng 1 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12.

**2.4 Đơn vị tiền tệ trong kế toán**

Báo cáo tài chính hợp nhất được lập bằng đơn vị tiền tệ được sử dụng trong kế toán của Nhóm Công ty là VND.

**2.5 Cơ sở hợp nhất**

Báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm các báo cáo tài chính của Công ty và công ty con cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021.

Công ty con được hợp nhất toàn bộ kể từ ngày mua, là ngày Nhóm Công ty nắm quyền kiểm soát công ty con, và tiếp tục được hợp nhất cho đến ngày Nhóm Công ty chấm dứt quyền kiểm soát đối với công ty con.

Báo cáo tài chính của Công ty và công ty con sử dụng để hợp nhất được lập cho cùng một kỳ kế toán và được áp dụng các chính sách kế toán một cách nhất quán.

Số dư các tài khoản trên bảng cân đối kế toán giữa các đơn vị trong cùng Nhóm Công ty, các khoản thu nhập và chi phí, các khoản lãi hoặc lỗ nội bộ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch này được loại trừ hoàn toàn.

Lợi ích của các cổ đông không kiểm soát là phần lợi ích trong lãi, hoặc lỗ, và trong tài sản thuần của công ty con không được nắm giữ bởi Nhóm Công ty và được trình bày riêng biệt trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và được trình bày riêng biệt trong phần vốn chủ sở hữu trên bảng cân đối kế toán hợp nhất.

Ảnh hưởng do các thay đổi trong tỷ lệ sở hữu công ty con mà không làm mất quyền kiểm soát được hạch toán vào lợi nhuận sau thuế chưa phân phối.

**3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU**

**3.1 Tiền**

Tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ và tiền gửi ngân hàng.

**3.2 Hàng tồn kho**

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá thành để đưa mỗi sản phẩm đến vị trí và điều kiện hiện tại và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong điều kiện kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí bán hàng ước tính.

Nhóm Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho với giá trị được xác định như sau:

Nguyên vật liệu và công cụ, - chi phí mua theo phương pháp bình quân gia quyền.  
dụng cụ

Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang và thành phẩm - giá vốn nguyên vật liệu và lao động trực tiếp cộng chi phí sản xuất chung có liên quan được phân bổ dựa trên mức độ hoạt động bình thường theo phương pháp bình quân gia quyền.

Hàng hóa - chi phí mua theo phương pháp thực tế đích danh.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2021 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

**3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)**

**3.2 Hàng tồn kho (tiếp theo)**

*Dự phòng giảm giá hàng tồn kho*

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được trích lập cho phần giá trị dự kiến bị tổn thất do các khoản suy giảm trong giá trị (do giảm giá, hư hỏng, kém phẩm chất, lỗi thời, v.v.) có thể xảy ra đối với nguyên vật liệu, thành phẩm, hàng hóa và hàng tồn kho khác doanh dựa trên bằng chứng hợp lý về sự suy giảm giá trị tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Số tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho được hạch toán vào giá vốn hàng bán trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

**3.3 Các khoản phải thu**

Các khoản phải thu được trình bày trên báo cáo tài chính hợp nhất theo giá trị ghi sổ các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác sau khi trừ các khoản dự phòng được lập cho các khoản phải thu khó đòi.

Dự phòng phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị của các khoản phải thu mà Nhóm Công ty dự kiến không có khả năng thu hồi tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm. Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được hạch toán vào chi phí quản lý doanh nghiệp trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

**3.4 Tài sản cố định hữu hình**

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị khấu hao lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào sẵn sàng hoạt động như dự kiến.

Các chi phí mua sắm, nâng cấp và đổi mới tài sản cố định hữu hình được ghi tăng nguyên giá của tài sản cố định hữu hình và chi phí bảo trì, sửa chữa được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất khi phát sinh.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, các khoản lãi hoặc lỗ phát sinh do thanh lý tài sản (là phần chênh lệch giữa tiền thu thuần từ việc bán tài sản với giá trị còn lại của tài sản) được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

**3.5 Tài sản cố định vô hình**

Tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào sẵn sàng sử dụng như dự kiến.

Các chi phí nâng cấp và đổi mới tài sản cố định vô hình được ghi tăng nguyên giá của tài sản cố định vô hình và các chi phí khác được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất khi phát sinh.

Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, các khoản lãi hoặc lỗ phát sinh do thanh lý tài sản (là phần chênh lệch giữa tiền thu thuần từ việc bán tài sản với giá trị còn lại của tài sản) được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

*Quyền sử dụng đất*

Quyền sử dụng đất được ghi nhận như tài sản cố định vô hình, thể hiện giá trị của quyền sử dụng đất đã được Công ty mua hoặc thuê. Tiền thuê đất trả trước cho các hợp đồng thuê đất được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất được ghi nhận là tài sản cố định vô hình theo quy định của Thông tư số 45/2013/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành vào ngày 25 tháng 4 năm 2013 hướng dẫn chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định ("Thông tư 45").

Thời gian hữu dụng của quyền sử dụng đất được đánh giá là lâu dài hoặc có thời hạn. Theo đó, quyền sử dụng đất có thời hạn thể hiện giá trị tiền thuê đất được khấu hao theo thời gian thuê còn quyền sử dụng đất lâu dài thì không được khấu hao.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2021 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

**3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)**

**3.6 Khấu hao và hao mòn**

Khấu hao tài sản cố định hữu hình và hao mòn tài sản cố định vô hình được trích theo phương pháp khấu hao đường thẳng trong suốt thời gian hữu dụng ước tính của các tài sản như sau:

Nhà xưởng, vật kiến trúc	10 - 40 năm
Máy móc, thiết bị	6 - 12 năm
Phương tiện vận chuyển	10 năm
Thiết bị dụng cụ quản lý	5 - 12 năm
Quyền sử dụng đất	30 - 50 năm
Phần mềm máy tính	10 năm

**3.7 Chi phí đi vay**

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay của Nhóm Công ty được hạch toán như chi phí phát sinh trong năm.

**3.8 Thuê tài sản**

Việc xác định một thỏa thuận có phải là thỏa thuận thuê tài sản hay không dựa trên bản chất của thỏa thuận đó tại thời điểm khởi đầu: liệu việc thực hiện thỏa thuận này có phụ thuộc vào việc sử dụng một tài sản nhất định và thỏa thuận có bao gồm điều khoản về quyền sử dụng tài sản hay không.

Thỏa thuận thuê tài sản được phân loại là thuê tài chính nếu theo hợp đồng thuê tài sản bên cho thuê chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu tài sản cho bên đi thuê. Tất cả các thỏa thuận thuê tài sản khác được phân loại là thuê hoạt động.

*Trong trường hợp Nhóm Công ty là bên đi thuê*

Các khoản tiền thuê theo hợp đồng thuê hoạt động được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất theo phương pháp đường thẳng trong thời hạn của hợp đồng thuê.

*Trong trường hợp Nhóm Công ty là bên cho thuê*

Thu nhập từ tiền cho thuê theo hợp đồng thuê hoạt động được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất theo phương pháp đường thẳng trong thời gian cho thuê.

**3.9 Chi phí trả trước**

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí trả trước ngắn hạn hoặc chi phí trả trước dài hạn trên bảng cân đối kế toán hợp nhất và được phân bổ trong khoảng thời gian trả trước hoặc thời gian các lợi ích kinh tế tương ứng được tạo ra từ các chi phí này.

*Tiền thuê đất trả trước*

Tiền thuê đất trả trước bao gồm số dư chưa phân bổ hết của khoản tiền thuê đất đã trả theo hợp đồng thuê đất ký với Sở Tài nguyên và Môi trường. Theo Thông tư 45, khoản tiền thuê đất trả trước nói trên được ghi nhận như chi phí trả trước dài hạn và được phân bổ vào chi phí trong thời gian còn lại của hợp đồng thuê.

**3.10 Hợp nhất kinh doanh**

Hợp nhất kinh doanh được hạch toán theo phương pháp giá mua. Giá phí hợp nhất kinh doanh bao gồm giá trị hợp lý tại ngày diễn ra trao đổi của các tài sản đem trao đổi, các khoản nợ phải trả đã phát sinh hoặc đã thừa nhận và các công cụ vốn do bên mua phát hành để đổi lấy quyền kiểm soát bên bị mua và các chi phí liên quan trực tiếp đến việc hợp nhất kinh doanh. Tài sản, nợ phải trả có thể xác định được và những khoản nợ tiềm tàng phải gánh chịu trong hợp nhất kinh doanh của bên bị mua đều ghi nhận theo giá trị hợp lý tại ngày hợp nhất kinh doanh.



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2021 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

### 3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

#### 3.11 Các khoản đầu tư

##### *Đầu tư vào công ty liên kết*

Các khoản đầu tư vào các công ty liên kết được hạch toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu. Công ty liên kết là công ty mà trong đó Nhóm Công ty có ảnh hưởng đáng kể nhưng không phải là công ty con hay công ty liên doanh của Nhóm Công ty. Thông thường, Nhóm Công ty được coi là có ảnh hưởng đáng kể nếu sở hữu trên 20% quyền bỏ phiếu ở đơn vị nhận đầu tư.

Theo phương pháp vốn chủ sở hữu, khoản đầu tư được ghi nhận ban đầu trên bảng cân đối kế toán hợp nhất theo giá gốc, sau đó được điều chỉnh theo những thay đổi của phần sở hữu của Nhóm Công ty trong giá trị tài sản thuần của công ty liên kết sau khi mua. Lợi thế thương mại phát sinh từ việc đầu tư vào công ty liên kết được phản ánh trong giá trị còn lại của khoản đầu tư. Nhóm Công ty không phân bổ lợi thế thương mại này mà hàng năm thực hiện đánh giá xem lợi thế thương mại có bị suy giảm giá trị hay không. Báo cáo kết quả kinh doanh hợp nhất phản ánh phần sở hữu của Nhóm Công ty trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh của công ty liên kết sau khi mua.

Phần sở hữu của nhà đầu tư trong lợi nhuận (lỗ) của công ty liên kết sau khi mua được phản ánh trên báo cáo kết quả kinh doanh hợp nhất và phần sở hữu của nhà đầu tư trong thay đổi sau khi mua của các quỹ của công ty liên kết được ghi nhận vào các quỹ. Thay đổi lũy kế sau khi mua được điều chỉnh vào giá trị còn lại của khoản đầu tư vào công ty liên kết. Cổ tức nhận được từ công ty liên kết được chuyển vào khoản đầu tư vào công ty liên kết.

Báo cáo tài chính của công ty liên kết được lập cùng kỳ với báo cáo tài chính hợp nhất của Nhóm Công ty và sử dụng các chính sách kế toán nhất quán với Nhóm Công ty. Các điều chỉnh hợp nhất thích hợp đã được ghi nhận để bảo đảm các chính sách kế toán được áp dụng nhất quán với Nhóm Công ty trong trường hợp cần thiết.

##### *Chứng khoán kinh doanh và đầu tư góp vốn vào đơn vị khác*

Chứng khoán kinh doanh và đầu tư góp vốn vào đơn vị khác được ghi nhận theo giá gốc.

##### *Dự phòng giảm giá trị các khoản đầu tư*

Dự phòng cho việc giảm giá trị của các khoản đầu tư được lập khi có bằng chứng chắc chắn cho thấy có sự suy giảm giá trị của các khoản đầu tư này vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Tăng hoặc giảm số dự tài khoản dự phòng được hạch toán vào chi phí tài chính trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

#### 3.12 Các khoản phải trả và chi phí trích trước

Các khoản phải trả và chi phí trích trước được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được mà không phụ thuộc vào việc Nhóm Công ty đã nhận được hóa đơn của nhà cung cấp hay chưa.

#### 3.13 Các nghiệp vụ bằng ngoại tệ

Các nghiệp vụ phát sinh bằng các đơn vị tiền tệ khác với đơn vị tiền tệ trong kế toán của Nhóm Công ty VND được hạch toán theo tỷ giá giao dịch thực tế vào ngày phát sinh nghiệp vụ theo nguyên tắc sau:

- Nghiệp vụ làm phát sinh các khoản phải thu được hạch toán theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Nhóm Công ty chỉ định khách hàng thanh toán; và
- Nghiệp vụ làm phát sinh các khoản phải trả được hạch toán theo tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Nhóm Công ty dự kiến giao dịch.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2021 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

### 3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

#### 3.13 Các nghiệp vụ bằng ngoại tệ (tiếp theo)

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm, các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được đánh giá lại theo tỷ giá giao dịch thực tế tại ngày của bảng cân đối kế toán theo nguyên tắc sau:

- Các khoản mục tiền tệ được phân loại là tài sản được đánh giá theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Nhóm Công ty thường xuyên có giao dịch; và
- Các khoản mục tiền tệ được phân loại là nợ phải trả được đánh giá theo tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Nhóm Công ty thường xuyên có giao dịch.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá phát sinh được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

Khi chuyển đổi báo cáo tài chính của cơ sở ở nước ngoài cho mục đích hợp nhất, các khoản mục được chuyển đổi theo nguyên tắc sau:

- tài sản và nợ phải trả phát sinh được quy đổi theo tỷ giá giao dịch thực tế cuối năm;
- lợi nhuận sau thuế chưa phân phối phát sinh sau ngày mua công ty con được quy đổi bằng cách tính toán theo các khoản mục doanh thu, chi phí của báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh;
- cổ tức đã trả được quy đổi theo tỷ giá giao dịch thực tế tại ngày trả cổ tức; và
- các khoản mục thuộc báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và báo cáo lưu chuyển tiền tệ được quy đổi theo tỷ giá bình quân của năm báo cáo.

Tất cả các chênh lệch tỷ giá hối đoái phát sinh khi chuyển đổi báo cáo tài chính của cơ sở ở nước ngoài cho mục đích hợp nhất được ghi nhận vào khoản mục "Chênh lệch tỷ giá hối đoái" trong phần vốn chủ sở hữu và được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất khi khoản đầu tư được thanh lý.

#### 3.14 Cổ phiếu quỹ

Các công cụ vốn chủ sở hữu được Nhóm Công ty mua lại (cổ phiếu quỹ) được ghi nhận theo nguyên giá và trừ vào vốn chủ sở hữu. Nhóm Công ty không ghi nhận các khoản lãi hoặc lỗ khi mua, bán, tái phát hành hoặc hủy các công cụ vốn chủ sở hữu của mình.

#### 3.15 Phân chia lợi nhuận

Lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp (không bao gồm các khoản lãi từ giao dịch mua giá rẻ) có thể được chia cho các cổ đông sau khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt và sau khi đã trích lập các quỹ dự phòng theo Điều lệ của Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

Nhóm Công ty trích lập các quỹ dự phòng sau từ lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp của Nhóm Công ty theo đề nghị của Hội đồng Quản trị và được các cổ đông phê duyệt tại Đại hội đồng cổ đông thường niên:

##### Quỹ đầu tư phát triển

Quỹ này được trích lập nhằm phục vụ việc mở rộng hoạt động hoặc đầu tư chiều sâu của Nhóm Công ty.

##### Quỹ khen thưởng, phúc lợi

Quỹ này được trích lập để khen thưởng, khuyến khích vật chất, đem lại lợi ích chung và nâng cao phúc lợi cho công nhân viên, và được trình bày như một khoản phải trả trên bảng cân đối kế toán hợp nhất.

##### Cổ tức

Cổ tức phải trả được đề nghị bởi Hội đồng Quản trị của Công ty và được phân loại như một sự phân phối của lợi nhuận chưa phân phối trong khoản mục vốn chủ sở hữu trên bảng cân đối kế toán hợp nhất cho đến khi được các cổ đông thông qua tại Đại hội đồng Cổ đông Thường niên. Khi đó, cổ tức sẽ được ghi nhận như một khoản nợ phải trả trên bảng cân đối kế toán hợp nhất.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2021 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

**3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)**

**3.16 Lãi trên cổ phiếu**

Lãi cơ bản trên mỗi cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Nhóm Công ty (sau khi đã điều chỉnh cho việc trích lập quỹ khen thưởng, phúc lợi) cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm.

Lãi suy giảm trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Nhóm Công ty (sau khi đã điều chỉnh cho cổ tức của cổ phiếu ưu đãi có quyền chuyển đổi) cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm và số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông sẽ được phát hành trong trường hợp tất cả các cổ phiếu phổ thông tiềm năng có tác động suy giảm đều được chuyển thành cổ phiếu phổ thông.

**3.17 Ghi nhận doanh thu**

Doanh thu được ghi nhận khi Nhóm Công ty có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định được một cách chắc chắn. Doanh thu được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được sau khi trừ đi các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại. Các điều kiện ghi nhận cụ thể sau đây cũng phải được đáp ứng khi ghi nhận doanh thu:

*Doanh thu bán hàng*

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi các rủi ro trọng yếu và các quyền sở hữu hàng hóa đã được chuyển sang người mua, thường là trùng với thời điểm chuyển giao hàng hóa.

*Doanh thu cung cấp dịch vụ*

Doanh thu được ghi nhận khi hoàn thành việc cung cấp dịch vụ.

*Tiền cho thuê*

Thu nhập từ tiền cho thuê tài sản theo hợp đồng thuê hoạt động được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian cho thuê.

*Tiền lãi*

Thu nhập lãi được ghi nhận khi tiền lãi phát sinh trên cơ sở dồn tích (có tính đến lợi tức mà tài sản đem lại) trừ khi khả năng thu hồi tiền lãi không chắc chắn.

*Cổ tức*

Thu nhập từ cổ tức được ghi nhận khi quyền được nhận khoản thanh toán cổ tức của Công ty được xác lập.

**3.18 Thuế**

*Thuế thu nhập hiện hành*

Tài sản thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hiện hành phải nộp cho kỳ hiện hành và các năm trước được xác định bằng số tiền dự kiến được thu hồi từ hoặc phải nộp cho cơ quan thuế, dựa trên các mức thuế suất và các luật thuế có hiệu lực đến ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Thuế thu nhập hiện hành được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hiện hành cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Nhóm Công ty chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hiện hành phải nộp khi Nhóm Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và Nhóm Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải nộp và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2021 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

### 3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

#### 3.18 Thuế (tiếp theo)

##### *Thuế thu nhập hoãn lại*

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định cho các khoản chênh lệch tạm thời tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm giữa cơ sở tính thuế thu nhập của các tài sản và nợ phải trả và giá trị ghi sổ của các khoản mục này trong báo cáo tài chính hợp nhất.

Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế, ngoại trừ:

- Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hay nợ phải trả từ một giao dịch mà giao dịch này không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán và lợi nhuận tính thuế thu nhập (hoặc lỗ tính thuế) tại thời điểm phát sinh giao dịch; và
- Các chênh lệch tạm thời chịu thuế gắn liền với các khoản đầu tư vào các công ty con, công ty liên kết và các khoản vốn góp liên doanh khi Nhóm Công ty có khả năng kiểm soát thời gian hoàn nhập khoản chênh lệch tạm thời và chắc chắn khoản chênh lệch tạm thời sẽ không được hoàn nhập trong tương lai có thể dự đoán.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại cần được ghi nhận cho tất cả các chênh lệch tạm thời được khấu trừ, giá trị được khấu trừ chuyển sang các năm sau của các khoản lỗ tính thuế và các khoản ưu đãi thuế chưa sử dụng, khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ, các khoản lỗ tính thuế và các ưu đãi thuế chưa sử dụng này, ngoại trừ:

- Tài sản thuế hoãn lại phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hoặc nợ phải trả từ một giao dịch mà giao dịch này không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán và lợi nhuận tính thuế thu nhập (hoặc lỗ tính thuế) tại thời điểm phát sinh giao dịch; và
- Đối với các chênh lệch tạm thời được khấu trừ phát sinh từ các khoản đầu tư vào các công ty con, công ty liên kết và các khoản vốn góp liên doanh, tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận khi chắc chắn là chênh lệch tạm thời sẽ được hoàn nhập trong tương lai có thể dự đoán được và có lợi nhuận tính thuế để sử dụng được khoản chênh lệch tạm thời đó.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập hoãn lại phải được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm và phải giảm giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập hoãn lại đến mức bảo đảm chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa được ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài chính khi tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán, dựa trên các mức thuế suất và luật thuế có hiệu lực vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hoãn lại cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2021 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

**3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)**

**3.18 Thuế (tiếp theo)**

*Thuế thu nhập hoãn lại (tiếp theo)*

Nhóm Công ty chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải nộp khi Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả này liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế

- đối với cùng một đơn vị chịu thuế; hoặc
- Nhóm Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải nộp và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần hoặc thu hồi tài sản đồng thời với việc thanh toán nợ phải trả trong từng kỳ tương lai khi các khoản trọng yếu của thuế thu nhập hoãn lại phải trả hoặc tài sản thuế thu nhập hoãn lại được thanh toán hoặc thu hồi.

**3.19 Thông tin theo bộ phận**

Một bộ phận là một hợp phần có thể xác định riêng biệt được của Nhóm Công ty tham gia vào việc cung cấp các sản phẩm hoặc dịch vụ liên quan (bộ phận chia theo hoạt động kinh doanh), hoặc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ trong một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận chia theo vùng địa lý), mỗi bộ phận này chịu rủi ro và thu được lợi ích khác biệt với các bộ phận khác. Hoạt động sản xuất và kinh doanh được phẩm chủ yếu tạo ra doanh thu và lợi nhuận cho Nhóm Công ty, trong khi các khoản doanh thu khác chiếm tỷ trọng nhỏ trong tổng doanh thu của Nhóm Công ty. Vì vậy, Ban Tổng Giám đốc tin rằng Nhóm Công ty hoạt động trong một bộ phận kinh doanh duy nhất là sản xuất kinh doanh dược phẩm và các dụng cụ y tế.

Bộ phận theo khu vực địa lý của Nhóm Công ty được xác định theo địa điểm của tài sản của Nhóm Công ty. Doanh thu bán hàng ra bên ngoài trình bày trong bộ phận theo khu vực địa lý được xác định dựa trên địa điểm địa lý của khách hàng của Nhóm Công ty.

**3.20 Các bên liên quan**

Các bên được coi là bên liên quan của Nhóm Công ty nếu một bên có khả năng, trực tiếp hoặc gián tiếp, kiểm soát bên kia hoặc gây ảnh hưởng đáng kể tới bên kia trong việc ra các quyết định tài chính và hoạt động, hoặc khi Nhóm Công ty và bên kia cùng chịu sự kiểm soát chung hoặc ảnh hưởng đáng kể chung. Các bên liên quan nêu trên có thể là các công ty hoặc các cá nhân, bao gồm cả các thành viên mật thiết trong gia đình của họ.

**4. TIỀN**

	VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Tiền mặt	2.820.684.825	2.367.988.169
Tiền gửi ngân hàng	84.501.352.646	30.291.526.005
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>87.322.037.471</b>	<b>32.659.514.174</b>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2021 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

**5. PHẢI THU NGẮN HẠN CỦA KHÁCH HÀNG**

	VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Phải thu từ khách hàng	933.652.441.929	1.035.705.929.201
Phải thu từ bên liên quan (Thuyết minh số 28)	-	157.818.077
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>933.652.441.929</b>	<b>1.035.863.747.278</b>
Dự phòng phải thu ngắn hạn của khách hàng (Thuyết minh số 7)	(1.587.665.606)	(1.422.122.502)
<b>GIÁ TRỊ THUẦN</b>	<b>932.064.776.323</b>	<b>1.034.441.624.776</b>

Như đã trình bày trong *Thuyết minh số 18*, Nhóm Công ty đã thế chấp một phần khoản phải thu ngắn hạn của khách hàng để đảm bảo cho các khoản vay ngân hàng.

Chi tiết tình hình tăng giảm dự phòng phải thu ngắn hạn của khách hàng và trả trước cho người bán ngắn hạn được trình bày như sau:

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Số đầu năm	1.422.122.502	1.422.122.502
Cộng: Dự phòng trích lập trong năm	1.950.571.717	-
Trừ: Hoàn nhập dự phòng trong năm	(1.388.903.050)	-
Số cuối năm	1.983.791.169	1.422.122.502

**6. PHẢI THU KHÁC**

	VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
<b>Ngắn hạn</b>	<b>95.678.185.393</b>	<b>69.615.670.875</b>
Tiền hàng ủy thác nhập khẩu	43.075.485.989	14.664.653.210
Ký quỹ, ký cược	23.672.549.272	21.825.412.983
Phải thu từ hỗ trợ bán hàng	14.924.988.535	21.882.272.470
Lãi phạt trả chậm	1.957.722.021	1.199.808.983
Tạm ứng cho nhân viên	1.422.060.782	2.610.490.315
Khác	10.625.378.794	7.433.032.914
<i>Trong đó:</i>		
<i>Phải thu bên khác</i>	95.649.699.608	69.185.048.672
<i>Phải thu bên liên quan (Thuyết minh số 28)</i>	28.485.785	430.622.203
<b>Dài hạn</b>	<b>1.662.000.000</b>	-
Ký quỹ, ký cược	1.662.000.000	-
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>97.340.185.393</b>	<b>69.615.670.875</b>

## Công ty Cổ phần Dược phẩm Trung ương Codupha

B09-DN/HN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2021 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

### 7. NỢ QUÁ HẠN

	Số cuối năm		Số đầu năm		VND
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị thuần	Giá trị	
<b>Phải thu ngắn hạn của khách hàng</b>	<b>3.167.423.815</b>	<b>(1.587.665.606)</b>	<b>1.579.758.209</b>	<b>(1.422.122.502)</b>	<b>3.186.404.363</b>
Công ty Cổ phần Thiết bị Y Tế Hoàng An	2.908.892.308	(1.454.446.154)	1.454.446.154	-	2.908.892.308
Công ty TNHH Khoa học và Kỹ thuật Olympic	200.000.000	(100.000.000)	100.000.000	-	200.000.000
Công ty Cổ phần Hóa Dược Cường Thịnh	-	-	-	(484.337.872)	-
Công ty Cổ phần Dược phẩm Kỳ Phương	-	-	-	(324.129.424)	-
Công ty Cổ phần Khoa học và Công nghệ Sự sống	-	-	-	(250.832.638)	-
Công ty Cổ phần Bệnh viện phụ sản Vương Tròn	58.531.507	(33.219.452)	25.312.055	(152.222.700)	-
Các khách hàng khác	-	-	-	(210.599.868)	77.512.055
<b>Trả trước cho người bán ngắn hạn</b>	<b>792.251.125</b>	<b>(396.125.563)</b>	<b>396.125.562</b>	<b>-</b>	<b>792.251.125</b>
Công ty Cổ phần Thiết bị Y Tế Hoàng An	792.251.125	(396.125.563)	396.125.562	-	792.251.125
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>3.959.674.940</b>	<b>(1.983.791.169)</b>	<b>1.975.883.771</b>	<b>(1.422.122.502)</b>	<b>3.978.655.488</b>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)  
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

**8. HÀNG TỒN KHO**

	VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Hàng hóa	613.967.791.561	696.076.721.910
Hàng mua đang đi đường	25.583.558.762	42.652.940.323
Nguyên vật liệu	9.571.577.823	16.519.109.712
Thành phẩm	5.466.149.299	8.470.669.159
Công cụ dụng cụ	5.511.330.360	7.377.754.340
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	5.280.167.236	5.682.348.413
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>665.380.575.041</b>	<b>776.779.543.857</b>
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	(3.914.608.506)	(2.035.703.174)
<b>GIÁ TRỊ THUẦN</b>	<b>661.465.966.535</b>	<b>774.743.840.683</b>

Như đã trình bày trong *Thuyết minh số 18*, Nhóm Công ty đã thế chấp một phần hàng tồn kho để đảm bảo cho các khoản vay ngân hàng.

Chi tiết tình hình tăng giảm dự phòng giảm giá hàng tồn kho được trình bày như sau:

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Số đầu năm	2.035.703.174	2.503.845.898
Dự phòng trích lập trong năm	2.302.673.043	-
Hoàn nhập dự phòng trong năm	(423.767.711)	(468.142.724)
Số cuối năm	3.914.608.506	2.035.703.174

**9. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC**

	VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
<b>Ngắn hạn</b>	<b>2.920.324.977</b>	<b>2.121.312.550</b>
Công cụ, dụng cụ	1.561.437.050	592.423.662
Chi phí thuê	1.358.887.927	1.528.888.888
<b>Dài hạn</b>	<b>3.029.202.020</b>	<b>2.554.961.974</b>
Chi phí bảo trì	1.835.314.379	166.345.411
Tiền thuê đất trả trước	1.130.408.825	1.183.337.659
Công cụ, dụng cụ	63.478.816	1.205.278.904
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>5.949.526.997</b>	<b>4.676.274.524</b>



# Công ty Cổ phần Dược phẩm Trung ương Codupha

B09-DN/HN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2021 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

## 10. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Nhà xưởng và vật kiến trúc	Máy móc và thiết bị	Phương tiện vận chuyển	Thiết bị dụng cụ quản lý	Tài sản cố định khác	Tổng cộng
<b>Nguyên giá:</b>						VND
Số đầu năm	108.312.671.629	57.363.626.841	39.696.060.570	3.672.859.173	744.356.679	209.789.574.892
Mua mới trong năm	-	821.352.728	-	64.000.000	-	885.352.728
Đầu tư xây dựng cơ bản hoàn thành	1.548.502.136	-	-	-	-	1.548.502.136
Thanh lý	-	(104.376.250)	(1.121.203.201)	-	-	(1.225.579.451)
Chênh lệch tỉ giá do chuyển đổi báo cáo sang VND	(4.054.803.134)	(3.084.856.530)	(1.209.563.481)	-	(193.432.517)	(8.542.655.662)
Số cuối năm	105.806.370.631	54.995.746.789	37.365.293.888	3.736.859.173	550.924.162	202.455.194.643
<b>Trong đó:</b>						
Đã khấu hao hết	6.689.193.071	8.796.769.815	17.198.996.381	2.505.228.152	57.807.463	35.247.994.882
<b>Giá trị khấu hao lũy kế:</b>						
Số đầu năm	32.327.121.078	27.898.098.070	27.504.225.695	3.068.126.793	736.437.369	91.534.009.005
Khấu hao trong năm	4.808.659.710	4.581.679.586	2.274.728.318	130.163.052	5.688.076	11.800.918.742
Thanh lý	-	(104.376.250)	(1.121.203.201)	-	-	(1.225.579.451)
Chênh lệch tỉ giá do chuyển đổi báo cáo sang VND	(3.563.839.899)	(3.084.856.530)	(934.476.631)	-	(191.201.283)	(7.774.374.343)
Số cuối năm	33.571.940.889	29.290.544.876	27.723.274.181	3.198.289.845	550.924.162	94.334.973.953
<b>Giá trị còn lại:</b>						
Số đầu năm	75.985.550.551	29.465.528.771	12.191.834.875	604.732.380	7.919.310	118.255.565.887
Số cuối năm	72.234.429.742	25.705.201.913	9.642.019.707	538.569.328	-	108.120.220.690

Như đã trình bày trong *Thuyết minh số 18*, Nhóm Công ty đã thế chấp một phần phương tiện vận tải tại toạ lạc tại 253, Đường Vieng Chaluen, Quận Saysetta, Thành phố Vientiane, Lào với giá trị còn lại là 396.835.792 VND để đảm bảo các khoản vay ngân hàng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2021 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

**11. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH VÔ HÌNH**

	VND		
	<i>Quyền sử dụng đất</i>	<i>Phần mềm máy tính</i>	<i>Tổng cộng</i>
<b>Nguyên giá:</b>			
Số đầu năm	94.889.961.619	2.874.859.174	97.764.820.793
Chênh lệch tỉ giá do chuyển đổi sang VND	<u>(325.634.400)</u>	<u>(114.150.250)</u>	<u>(439.784.650)</u>
Số cuối năm	<u>94.564.327.219</u>	<u>2.760.708.924</u>	<u>97.325.036.143</u>
<i>Trong đó:</i>			
<i>Đã hao mòn hết</i>	558.677.536	591.156.174	1.149.833.710
<b>Giá trị hao mòn lũy kế:</b>			
Số đầu năm	8.401.460.811	1.329.745.871	9.731.206.682
Hao mòn trong năm	2.548.311.432	219.892.775	2.768.204.207
Chênh lệch tỉ giá do chuyển đổi sang VND	<u>(247.489.657)</u>	<u>(79.850.713)</u>	<u>(327.340.370)</u>
Số cuối năm	<u>10.702.282.586</u>	<u>1.469.787.933</u>	<u>12.172.070.519</u>
<b>Giá trị còn lại:</b>			
Số đầu năm	<u>86.488.500.808</u>	<u>1.545.113.303</u>	<u>88.033.614.111</u>
Số cuối năm	<u>83.862.044.633</u>	<u>1.290.920.991</u>	<u>85.152.965.624</u>

Như đã trình bày trong *Thuyết minh số 18*, Nhóm Công ty đã thế chấp một phần quyền sử dụng đất tọa lạc tại 132A, đường Nguyễn Văn Cừ, phường An Khánh, Quận Ninh Kiều, Thành phố Cần Thơ với giá trị còn lại là 20.193.648.822 VND để đảm bảo các khoản vay ngân hàng.

**12. CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỜ DANG**

	VND	
	<i>Số cuối năm</i>	<i>Số đầu năm</i>
Phần mềm quản lý hàng tồn kho và bán hàng	1.039.850.000	1.039.850.000
Hệ thống điều hòa không khí và phòng cháy chữa cháy	129.022.300	-
Sửa chữa kho	111.000.001	-
Cải tạo hệ thống kho lạnh	-	699.121.000
Khác	<u>200.000.000</u>	<u>101.977.000</u>
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b><u>1.479.872.301</u></b>	<b><u>1.840.948.000</u></b>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2021 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

**13. ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN**

	VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Đầu tư vào công ty liên kết ( <i>Thuyết minh số 13.1</i> )	4.675.677.857	4.590.237.348
Đầu tư vào các đơn vị khác ( <i>Thuyết minh số 13.2</i> )	29.472.484.723	29.472.484.723
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b><u>34.148.162.580</u></b>	<b><u>34.062.722.071</u></b>

**13.1 Đầu tư vào công ty liên kết**

Chi tiết khoản đầu tư vào công ty liên kết như sau:

Tên công ty liên kết	Lĩnh vực kinh doanh	Số cuối năm		Số đầu năm	
		Tỷ lệ sở hữu (%)	Giá trị ghi sổ VND	Tỷ lệ sở hữu (%)	Giá trị ghi sổ VND
Công ty TNHH Y tế Alfresa Codupha Việt Nam	Phân phối thuốc	30	<u>4.675.677.857</u>	30	<u>4.590.237.348</u>

Giá trị khoản đầu tư vào công ty liên kết như sau:

	VND
	Số tiền
<b>Giá gốc đầu tư:</b>	
Số đầu năm và số cuối năm	<u>3.520.408.664</u>
<b>Phân lũy kế lợi nhuận sau khi mua công ty liên kết:</b>	
Số đầu năm	1.069.828.684
Phản lãi từ công ty liên kết trong năm	<u>85.440.509</u>
Số cuối năm	<u>1.155.269.193</u>
<b>Giá trị ghi sổ:</b>	
Số đầu năm	<u>4.590.237.348</u>
Số cuối năm	<u>4.675.677.857</u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2021 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

**13. ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN (tiếp theo)**

**13.2 Đầu tư vào đơn vị khác**

Chi tiết khoản đầu tư góp vốn vào đơn vị khác như sau:

Tên công ty	Lĩnh vực kinh doanh	Số cuối năm		Số đầu năm	
		% sở hữu	Vốn đầu tư (VND)	% sở hữu	Vốn đầu tư (VND)
Công ty Cổ phần Kingdom Đông Dương (*)	Bất động sản	3,82	22.983.000.000	3,82	22.983.000.000
Công ty Cổ phần Phát triển Đô thị Đông Dương (*)	Bất động sản	3,82	6.017.000.000	3,82	6.017.000.000
Công ty Cổ phần Dược và Dịch vụ Thương mại Tuyên Quang	Phân phối thuốc	17,20	472.484.723	17,20	472.484.723
<b>TỔNG CỘNG</b>			<b>29.472.484.723</b>		<b>29.472.484.723</b>

(\*) Như đã trình bày trong *Thuyết minh số 18*, Nhóm Công ty đã thế chấp toàn bộ cổ phần tại Công ty Cổ phần Phát triển Đô thị Đông Dương và Công ty Cổ phần Kingdom Đông Dương để đảm bảo cho các khoản vay.

Giá trị hợp lý của các khoản đầu tư công ty liên kết và các đơn vị khác chưa được đánh giá và xác định một cách chính thức vào ngày 31 tháng 12 năm 2021 do chưa thu thập được đầy đủ thông tin thị trường. Tuy nhiên, dựa vào tình hình hoạt động hiện tại của các công ty này, Ban Tổng Giám đốc Công ty tin tưởng rằng giá trị hợp lý của các khoản đầu tư này lớn hơn giá trị còn lại trên sổ sách.

**14. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN VÀ NGƯỜI MUA TRẢ TIỀN TRƯỚC**

**14.1 Phải trả người bán**

	VND	
	Số cuối năm/Số có khả năng trả nợ	Số đầu năm/Số có khả năng trả nợ
<b>Ngắn hạn</b>	<b>895.730.915.005</b>	<b>1.090.950.000.036</b>
Phải trả các bên khác	890.490.071.315	1.053.344.966.986
Công ty TNHH Dược phẩm Hisamitsu Việt Nam	336.065.548.312	372.285.915.267
Khác	554.424.523.003	681.059.051.719
Phải trả các bên liên quan ( <i>Thuyết minh số 28</i> )	5.240.843.690	37.605.033.050
<b>Dài hạn</b>	<b>12.000.000.000</b>	<b>12.000.000.000</b>
Công ty Cổ phần Dược phẩm Thế Giới mới	12.000.000.000	12.000.000.000
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>907.730.915.005</b>	<b>1.102.950.000.036</b>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2021 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

**14. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN VÀ NGƯỜI MUA TRẢ TIỀN TRƯỚC** (tiếp theo)

**14.2 Người mua trả tiền trước ngắn hạn**

	VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Công ty CP Bệnh Viện Đa Khoa Quốc Tế Vinmec	9.949.275.756	-
Sở Y tế Tỉnh An Giang	7.000.000.000	-
Ban QLDA ĐTXD các công trình dân dụng và Công nghiệp Tỉnh Long An	6.424.000.000	-
Công ty TNHH Dược phẩm Á Mỹ	6.130.624.706	2.432.291.872
Sở Y tế Tỉnh Bình Thuận	5.009.282.213	-
Công ty TNHH Dược phẩm Ngọc Linh Trang	4.034.004.280	-
Bệnh Viện Sản Nhi An Giang	-	18.694.720.772
Công ty TNHH Dược Phẩm Đại Dương	-	7.670.883.386
Khác	9.047.250.580	6.999.367.382
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b><u>47.594.437.535</u></b>	<b><u>35.797.263.412</u></b>

**15. THUẾ**

	VND			
	Số đầu năm	Tăng trong năm	Giảm trong năm	Số cuối năm
<b>Phải thu</b>				
Thuế giá trị gia tăng	17.415.575.687	128.279.051.738	(134.001.489.430)	11.693.137.995
Thuế xuất, nhập khẩu	247.906.525	2.774.356.138	(3.002.357.882)	19.904.781
Thuế khác	20.266.754	8.766.930	(20.266.754)	8.766.930
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b><u>17.683.748.966</u></b>	<b><u>131.062.174.806</u></b>	<b><u>(137.024.114.066)</u></b>	<b><u>11.721.809.706</u></b>
<b>Phải trả</b>				
Thuế thu nhập doanh nghiệp	3.660.985.136	4.456.874.654	(6.746.175.579)	1.371.684.211
Thuế thu nhập cá nhân	42.182.446	786.227.446	(753.958.377)	74.451.515
Thuế khác	-	545.658.117	(415.360.945)	130.297.172
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b><u>3.703.167.582</u></b>	<b><u>5.788.760.217</u></b>	<b><u>(7.915.494.901)</u></b>	<b><u>1.576.432.898</u></b>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2021 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

**16. CHI PHÍ PHẢI TRẢ NGẮN HẠN**

	VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Chi phí lãi vay	1.321.695.896	1.303.489.440
Khác	111.185.949	841.298.498
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b><u>1.432.881.845</u></b>	<b><u>2.144.787.938</u></b>

**17. PHẢI TRẢ NGẮN HẠN KHÁC**

	VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Thư tín dụng phải trả	30.380.374.006	8.479.898.061
Nhận ký quỹ, ký cược	2.197.628.390	3.911.367.670
Nhận ủy thác nhập khẩu	103.212.550	307.326.828
Cổ tức phải trả	30.463.976	12.773.384.476
Hỗ trợ tiền thuê nhà	-	1.293.750.000
Khác	1.315.902.450	930.650.867
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b><u>34.027.581.372</u></b>	<b><u>27.696.377.902</u></b>
<i>Trong đó:</i>		
<i>    Phải trả bên khác</i>	<i>34.027.581.372</i>	<i>16.167.762.902</i>
<i>    Phải trả các bên liên quan</i>		
<i>        (Thuyết minh số 28)</i>	<i>-</i>	<i>11.528.615.000</i>

## Công ty Cổ phần Dược phẩm Trung ương Codupha

B09-DN/HN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2021 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

### 18. VAY

	Số đầu năm/Số có khả năng trả nợ	Tăng trong năm	Giảm trong năm	Phân loại lại	Chênh lệch tỷ giá do chuyển đổi báo cáo sang VND	Số cuối năm/Số có khả năng trả nợ	VND
<b>Vay ngắn hạn</b>	<b>802.524.464.942</b>	<b>1.856.208.614.625</b>	<b>(1.866.772.744.818)</b>	<b>4.627.176.000</b>	<b>(7.304.860.163)</b>	<b>789.282.650.586</b>	
Vay ngân hàng (Thuyết minh số 18.1)	792.369.754.865	1.856.121.607.132	(1.856.784.270.251)	-	(7.304.860.163)	784.402.231.583	
Vay cá nhân	327.534.077	87.007.493	(161.298.567)	-	-	253.243.003	
Nợ dài hạn đến hạn trả (Thuyết minh số 18.2 và 18.3)	9.827.176.000	-	(9.827.176.000)	4.627.176.000	-	4.627.176.000	
<b>Vay dài hạn</b>	<b>43.881.528.000</b>	<b>-</b>	<b>(1.000.000.000)</b>	<b>(4.627.176.000)</b>	<b>-</b>	<b>38.254.352.000</b>	
Vay ngân hàng (Thuyết minh số 18.2)	14.881.528.000	-	(1.000.000.000)	(4.627.176.000)	-	9.254.352.000	
Vay bên khác (Thuyết minh số 18.3)	29.000.000.000	-	-	-	-	29.000.000.000	
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>846.405.992.942</b>	<b>1.856.208.614.625</b>	<b>(1.867.772.744.818)</b>	<b>-</b>	<b>(7.304.860.163)</b>	<b>827.537.002.586</b>	

# Công ty Cổ phần Dược phẩm Trung ương Codupha

B09-DN/HN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2021 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

## 18. VAY (tiếp theo)

### 18.1 Vay ngắn hạn từ các ngân hàng

Công ty thực hiện các khoản vay ngắn hạn từ các ngân hàng nhằm tài trợ nhu cầu vốn lưu động. Chi tiết như sau:

Ngân hàng	Số cuối năm VND	Ngày đến hạn	Lãi suất %/ năm	Hình thức đảm bảo (Thuyết minh số 5 và 8)
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Công thương Việt Nam - Chi nhánh Hồ Chí Minh	285.144.446.525	Từ ngày 5 tháng 1 năm 2022 đến ngày 30 tháng 6 năm 2022	Từ 4,5 đến 4,6	Quyền đòi nợ phát sinh từ các hợp đồng ký kết giữa Công ty và các khách hàng của Công ty trị giá 275.000.000.000 VND và một phần hàng hóa tồn kho luân chuyển bình quân trị giá 210.000.000.000 VND
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Quân đội - Chi nhánh Bắc Sài Gòn	241.988.245.473	Từ ngày 29 tháng 1 năm 2022 đến ngày 30 tháng 6 năm 2022	Từ 4,5 đến 5,2	Hàng hóa tồn kho luân chuyển do Công ty tự quản lý với giá trị tối thiểu 150.000.000.000 VND và quyền đòi nợ phát sinh từ các hợp đồng ký kết giữa Công ty và các khách hàng của Công ty với giá trị tối thiểu 100.000.000.000 VND
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Quân đội - Chi nhánh 1	18.855.824.336	Từ ngày 30 tháng 3 năm 2022 đến ngày 14 tháng 4 năm 2022	Từ 4,5 đến 4,7	
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Kỹ thương Việt Nam - Chi nhánh Chợ Lớn	199.915.583.803	Từ ngày 7 tháng 4 năm 2022 đến ngày 23 tháng 6 năm 2022	Từ 3,5 đến 4,85	Hàng hóa tồn kho luân chuyển do Công ty tự quản lý với giá trị tối thiểu và quyền đòi nợ phát sinh từ các hợp đồng ký kết giữa Công ty và các khách hàng của Công ty với giá trị tối thiểu 250.000.000.000 VND
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Công thương Việt Nam - Chi nhánh Thanh Xuân	12.996.188.882	Từ ngày 20 tháng 3 năm 2022 đến ngày 30 tháng 6 năm 2022	4,5	Hàng hóa tồn kho luân chuyển thuộc sở hữu của Công ty tại Lô số 9 - Khu công nghiệp Yên Nghĩa, Quận Hà Đông, Thành phố Hà Nội với tổng giá trị 62.000.000.000 VND và quyền đòi nợ phát sinh từ các khoản phải thu hoặc quyền đòi nợ luân chuyển với tổng giá trị 78.000.000.000 VND
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Công thương Việt Nam - Chi nhánh Chương Dương	7.998.451.720	Từ ngày 9 tháng 4 năm 2022 đến ngày 30 tháng 6 năm 2022	4,5	
Ngân hàng TNHH Công Thương Việt Nam tại Lào	12.783.972.675	Từ ngày 14 tháng 9 năm 2022 đến ngày 20 tháng 11 năm 2022	6,0	Hàng hóa tồn kho luân chuyển tại số 253, Đường Vieng Chaluen, Quận Saysetta, Thành phố Vientiane, Lào với tổng giá trị 19.943.836.701 LAK
Ngân hàng TNHH Ngoại Thương Việt Nam tại Lào	4.719.518.169	Từ ngày 27 tháng 5 năm 2022 đến ngày 17 tháng 8 năm 2022	4,5	Phương tiện vận tải tại số 253, Đường Vieng Chaluen, Quận Saysetta, Thành phố Vientiane, Lào với tổng giá trị 539.093.428 LAK

**784.402.231.583**

**TỔNG CỘNG**



# Công ty Cổ phần Dược phẩm Trung ương Codupha

B09-DN/HN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2021 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

## 18. VAY (tiếp theo)

### 18.2 Vay dài hạn từ ngân hàng

Nhóm Công ty thực hiện khoản vay dài hạn từ ngân hàng này nhằm tài trợ nhu cầu xây dựng nhà kho và thanh toán tiền thuê đất tại chi nhánh Cần Thơ. Chi tiết như sau:

Ngân hàng	Số cuối năm	Ngày đến hạn	Lãi suất	Hình thức đảm bảo
	VND		%/ năm	(Thuyết minh số 11)
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Quân đội - Chi nhánh Sài Gòn	<u>13.881.528.000</u>	Từ ngày 5 tháng 3 năm 2022 đến ngày 5 tháng 12 năm 2024	10	60% Quyền sử dụng đất tọa lạc tại 132A, đường Nguyễn Văn Cừ, phường An Khánh, Quận Ninh Kiều, Thành phố Cần Thơ

Trong đó:

Vay dài hạn đến hạn trả  
Vay dài hạn

4.627.176.000  
9.254.352.000

### 18.3 Vay dài hạn khác

Nhóm Công ty thực hiện khoản vay này nhằm tài trợ khoản đầu tư vào Công ty Cổ phần Phát triển Đô thị Đông Dương và Công ty Cổ phần Kingdom Đông Dương (Thuyết minh số 13.2). Chi tiết như sau:

Công ty	Số cuối năm	Ngày đến hạn	Lãi suất	Hình thức đảm bảo
	VND		%/ năm	(Thuyết minh số 13.2)
Công ty Cổ phần Phát triển Đầu tư Hoa Lâm	<u>29.000.000.000</u>	Ngày 1 tháng 1 năm 2027	-	Toàn bộ cổ phần thuộc quyền sở hữu của Công ty tại Công ty Cổ phần Phát triển Đô thị Đông Dương và Công ty Cổ phần Kingdom Đông Dương

Trong đó:

Vay dài hạn đến hạn trả  
Vay dài hạn

-  
29.000.000.000

# Công ty Cổ phần Dược phẩm Trung ương Codupha

B09-DN/HN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2021 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

## 19. VỐN CHỦ SỞ HỮU

### 19.1 *Tình hình tăng giảm nguồn vốn chủ sở hữu*

	Vốn cổ phần	Vốn khác của chủ sở hữu	Cổ phiếu quỹ	Chênh lệch tỷ giá hối đoái	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Tổng cộng
<b>Năm trước</b>							VND
Số đầu năm	182.700.000.000	213.663.933	(586.200.000)	4.039.713.766	9.071.115.794	17.974.376.509	213.412.670.002
Trích quỹ khen thưởng phúc lợi	-	-	-	-	-	(5.500.000.000)	(5.500.000.000)
Cổ tức công bố	-	-	-	-	-	(16.387.920.000)	(16.387.920.000)
Lợi nhuận thuần trong năm	-	-	-	-	-	18.647.326.299	18.647.326.299
Chênh lệch tỷ giá do chuyển đổi báo cáo sang VND	-	-	-	(167.712.019)	-	-	(167.712.019)
Số cuối năm	182.700.000.000	213.663.933	(586.200.000)	3.872.001.747	9.071.115.794	14.733.782.808	210.004.364.282
<b>Năm nay</b>							
Số đầu năm	182.700.000.000	213.663.933	(586.200.000)	3.872.001.747	9.071.115.794	14.733.782.808	210.004.364.282
Trích quỹ khen thưởng phúc lợi	-	-	-	-	-	(11.000.000.000)	(11.000.000.000)
Lợi nhuận thuần trong năm	-	-	-	-	-	17.011.834.684	17.011.834.684
Chênh lệch tỷ giá do chuyển đổi báo cáo sang VND	-	-	-	(6.014.625.143)	-	-	(6.014.625.143)
Số cuối năm	182.700.000.000	213.663.933	(586.200.000)	(2.142.623.396)	9.071.115.794	20.745.617.492	210.001.573.823

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2021 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

**19. VỐN CHỦ SỞ HỮU (tiếp theo)**

**19.2 Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu**

	VND	
	Năm nay	Năm trước
<b>Vốn đầu tư đã góp của các chủ sở hữu</b>		
Số đầu năm và số cuối năm	<u>182.700.000.000</u>	<u>182.700.000.000</u>
<b>Cổ tức</b>		
Cổ tức đã công bố cho cổ đông công ty mẹ	-	16.387.920.000
Cổ tức đã trả cho cổ đông công ty mẹ	12.742.920.500	12.133.329.000

**19.3 Cổ phiếu phổ thông**

	Số cuối năm	Cổ phiếu Số đầu năm
Cổ phiếu được phép phát hành	18.270.000	18.270.000
Cổ phiếu đã phát hành và góp vốn đầy đủ <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	18.270.000	18.270.000
Cổ phiếu quỹ <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	(61.200)	(61.200)
Cổ phiếu đang lưu hành <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	18.208.800	18.208.800

Cổ phiếu của Công ty đã được phát hành với mệnh giá 10.000 VND/cổ phiếu. Các cổ đông nắm giữ cổ phiếu phổ thông của Công ty được quyền hưởng cổ tức do Công ty công bố. Mỗi cổ phiếu phổ thông thể hiện một quyền biểu quyết, không hạn chế.

**19.4 Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu**

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	VND	%	VND	%
Tổng Công ty Dược Việt Nam – Công ty Cổ phần Công ty Cổ phần Dược phẩm Bến Tre	121.225.000.000	66	121.225.000.000	66
Các cổ đông khác	42.269.500.000	23	42.269.500.000	23
	19.205.500.000	11	19.205.500.000	11
<b>TỔNG CỘNG</b>	<u>182.700.000.000</u>	<u>100</u>	<u>182.700.000.000</u>	<u>100</u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2021 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

**19. VỐN CHỦ SỞ HỮU (tiếp theo)**

**19.5 Lãi trên cổ phiếu**

Lãi cơ bản và suy giảm trên cổ phiếu được tính toán như sau:

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Lợi nhuận thuần sau thuế TNDN (VND)	17.011.834.684	18.647.326.299
Trừ: Quỹ khen thưởng phúc lợi (VND) (*)	<u>(5.500.000.000)</u>	<u>(5.500.000.000)</u>
Lợi nhuận thuần sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của công ty mẹ (VND)	11.511.834.684	13.147.326.299
Số lượng cổ phiếu phổ thông lưu hành bình quân	18.208.800	18.208.800
<b>Lãi cơ bản trên mỗi cổ phiếu (VND)</b>	<b><u>632</u></b>	<b><u>722</u></b>
<b>Lãi suy giảm trên mỗi cổ phiếu (VND)</b>	<b><u>632</u></b>	<b><u>722</u></b>

(\*) Lợi nhuận dùng để tính lãi trên cổ phiếu cho năm 2021 được điều chỉnh giảm cho khoản trích quỹ khen thưởng, phúc lợi từ lợi nhuận của năm 2021 theo kế hoạch được phê duyệt trong Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông số 02/2021/NQ-DHDCD ngày 17 tháng 5 năm 2021.

Không có tác động nào làm suy giảm các cổ phiếu phổ thông trong năm và đến ngày lập báo cáo tài chính hợp nhất này.

**20. LỢI ÍCH CỦA CỔ ĐÔNG KHÔNG KIỂM SOÁT**

	VND
	Giá trị
<b>Số đầu năm</b>	<b>1.440.285.576</b>
Lợi nhuận thuần trong năm	11.841.027
Chênh lệch tỷ giá phát sinh từ việc chuyển đổi báo cáo sang VND	<u>(404.398.489)</u>
<b>Số cuối năm</b>	<b><u>1.047.728.114</u></b>

**21. DOANH THU**

**21.1 Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ**

	VND	
	Năm nay	Năm trước
<b>Tổng doanh thu</b>	<b>2.484.193.482.459</b>	<b>2.978.279.079.819</b>
Trong đó:		
Doanh thu bán hàng	2.447.797.068.831	2.942.555.886.862
Doanh thu cung cấp dịch vụ	36.396.413.628	35.723.192.957
<b>Các khoản giảm trừ doanh thu</b>		
Hàng bán bị trả lại	<u>(33.804.743.949)</u>	<u>(21.138.346.619)</u>
<b>DOANH THU THUẦN</b>	<b><u>2.450.388.738.510</u></b>	<b><u>2.957.140.733.200</u></b>
Trong đó:		
Doanh thu bán hàng	2.413.992.324.882	2.921.417.540.243
Doanh thu cung cấp dịch vụ	36.396.413.628	35.723.192.957
Trong đó:		
Doanh thu bán cho bên thứ ba	2.441.437.756.075	2.903.901.172.191
Doanh thu bán cho bên liên quan (Thuyết minh số 28)	8.950.982.435	53.239.561.009

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2021 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

**21. DOANH THU** (tiếp theo)

**21.2 Doanh thu hoạt động tài chính**

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Lãi chậm thanh toán phải thu khách hàng	12.116.930.361	8.504.488.069
Lãi chênh lệch tỷ giá	9.432.834.404	2.527.959.559
Chiết khấu thanh toán được hưởng	2.277.005.561	5.434.035.191
Lãi tiền gửi	521.479.985	2.269.757.010
Cổ tức được chia	-	23.463.200
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b><u>24.348.250.311</u></b>	<b><u>18.759.703.029</u></b>

**22. GIÁ VỐN HÀNG BÁN VÀ DỊCH VỤ CUNG CẤP**

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Giá vốn hàng bán	2.283.393.734.500	2.759.328.864.152
Giá vốn dịch vụ cung cấp	2.870.987.689	2.143.391.680
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b><u>2.286.264.722.189</u></b>	<b><u>2.761.472.255.832</u></b>

**23. CHI PHÍ BÁN HÀNG VÀ CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP**

	VND	
	Năm nay	Năm trước
<b>Chi phí bán hàng</b>	<b>97.111.654.566</b>	<b>101.025.345.284</b>
Chi phí nhân viên	51.867.329.769	56.529.157.576
Chi phí khấu hao	12.323.335.191	12.561.920.988
Chi phí dịch vụ mua ngoài	11.778.241.199	13.154.270.761
Chi phí vật liệu, bao bì	3.861.673.937	4.188.410.401
Chi phí khác	17.281.074.470	14.591.585.558
<b>Chi phí quản lý doanh nghiệp</b>	<b>33.932.897.034</b>	<b>35.781.387.861</b>
Chi phí dịch vụ mua ngoài	17.266.322.094	16.242.186.604
Chi phí nhân viên	3.525.176.281	4.640.000.000
Chi phí khác	13.141.398.659	14.899.201.257
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b><u>131.044.551.600</u></b>	<b><u>136.806.733.145</u></b>

**24. CHI PHÍ TÀI CHÍNH**

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí lãi vay	36.235.302.435	43.735.815.603
Lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái	348.227.272	1.420.992.656
Lỗ thanh lý chứng khoán kinh doanh	36.180.822	3.107.045.522
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b><u>36.619.710.529</u></b>	<b><u>48.263.853.781</u></b>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2021 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

**25. THU NHẬP KHÁC VÀ CHI PHÍ KHÁC**

	VND	
	Năm nay	Năm trước
<b>Thu nhập khác</b>	<b>889.479.147</b>	<b>121.496.186</b>
Lãi từ thanh lý tài sản cố định	414.181.818	-
Khác	475.297.329	121.496.186
<b>Chi phí khác</b>	<b>(302.373.794)</b>	<b>(1.150.021.188)</b>
Tiền phạt	(97.401.466)	(918.187.057)
Khác	(204.972.328)	(231.834.131)
<b>LỢI NHUẬN (LỖ) KHÁC</b>	<b><u>587.105.353</u></b>	<b><u>(1.028.525.002)</u></b>

**26. CHI PHÍ SẢN XUẤT, KINH DOANH THEO YẾU TỐ**

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí hàng hóa	2.283.393.734.500	2.759.328.864.152
Chi phí nhân viên	55.392.506.050	61.169.157.576
Chi phí dịch vụ mua ngoài	31.915.550.982	31.539.849.045
Chi phí khấu hao và hao mòn (Thuyết minh số 11 và 12)	14.569.122.949	15.402.631.007
Chi phí khác	32.038.359.308	30.838.487.197
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b><u>2.417.309.273.789</u></b>	<b><u>2.898.278.988.977</u></b>

**27. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP**

Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp ("thuế TNDN") áp dụng cho Nhóm Công ty là 20% thu nhập chịu thuế.

Công ty con của Công ty có nghĩa vụ nộp thuế TNDN với thuế suất là 20% thu nhập chịu thuế.

Các báo cáo thuế của Nhóm Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế đối với các loại nghiệp vụ khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên báo cáo tài chính hợp nhất có thể sẽ bị thay đổi theo quyết định cuối cùng của cơ quan thuế.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2021 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

**27. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP (tiếp theo)**

**27.1 Chi phí thuế TNDN**

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí thuế TNDN hiện hành	4.456.874.654	7.681.082.285
Thuế TNDN trích thiếu những năm trước	-	2.289.722.648
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>4.456.874.654</b>	<b>9.970.804.933</b>

Dưới đây là đối chiếu chi phí thuế TNDN và kết quả của lợi nhuận kế toán trước thuế nhân với thuế suất thuế TNDN:

	VND	
	Năm nay	Năm trước
<b>Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế</b>	<b>21.480.550.365</b>	<b>28.632.652.073</b>
Thuế TNDN theo thuế suất áp dụng cho Nhóm Công ty	4.296.110.073	5.726.530.415
<i>Các khoản điều chỉnh:</i>		
Chi phí không được trừ	167.100.780	2.003.626.588
Lãi từ công ty liên kết	(17.088.102)	(60.716.721)
Thu nhập cổ tức	-	(4.692.640)
Thuế TNDN trích thiếu những năm trước	-	2.289.722.648
Khác	10.751.903	16.334.643
<b>Chi phí thuế TNDN</b>	<b>4.456.874.654</b>	<b>9.970.804.933</b>

**27.2 Thuế TNDN hiện hành**

Thuế TNDN hiện hành phải nộp được xác định dựa trên thu nhập chịu thuế của năm hiện tại. Thu nhập chịu thuế của Nhóm Công ty khác với thu nhập được báo cáo trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản mục thu nhập chịu thuế hay chi phí được khấu trừ cho mục đích tính thuế trong các năm khác và cũng không bao gồm các khoản mục không phải chịu thuế hay không được khấu trừ cho mục đích tính thuế. Thuế TNDN hiện hành phải nộp của Nhóm Công ty được tính theo thuế suất đã ban hành đến ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2021 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

**28. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN**

Những giao dịch trọng yếu của Nhóm Công ty với các bên liên quan trong năm nay và năm trước bao gồm:

VND				
<i>Bên liên quan</i>	<i>Mối quan hệ</i>	<i>Nội dung nghiệp vụ</i>	<i>Năm nay</i>	<i>Năm trước</i>
Tổng Công ty Dược Việt Nam – Công ty Cổ phần	Công ty mẹ	Thanh toán cổ tức	8.485.750.000	2.424.500.000
		Cho thuê kho	871.354.307	284.857.848
		Cổ tức công bố	-	10.910.250.000
		Bán hàng hóa	-	74.122.571
Công ty Cổ phần Dược phẩm Bến Tre	Cổ đông lớn	Bán hàng hóa	8.079.628.128	52.230.592.328
		Cổ tức đã trả	2.958.865.000	845.390.000
		Mua hàng hóa	644.989.938	725.911.360
		Cổ tức công bố	-	3.804.255.000
Công ty Cổ phần Dược Danapha	Công ty trong cùng tập đoàn	Mua hàng hóa	792.828.752	-
Công ty Cổ phần Dược phẩm Trung ương 3	Công ty trong cùng tập đoàn	Mua hàng hóa	463.010.253	2.034.663.843
Công ty TNHH Y tế Alfresa Codupha Việt Nam	Công ty liên kết	Mua hàng hóa	-	131.867.746.053
		Cho thuê văn phòng	-	338.640.085
		Cung cấp dịch vụ	-	311.348.177

Vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm, các khoản phải thu và phải trả các bên liên quan như sau:

VND				
<i>Bên liên quan</i>	<i>Mối quan hệ</i>	<i>Nội dung nghiệp vụ</i>	<i>Số cuối năm</i>	<i>Số đầu năm</i>
<b>Phải thu khách hàng ngắn hạn</b>				
Công ty Cổ phần Dược phẩm Bến Tre	Cổ đông lớn	Bán hàng hóa	-	157.818.077
<b>Phải thu ngắn hạn khác</b>				
Tổng Công ty Dược Việt Nam – Công ty Cổ phần	Công ty mẹ	Cho thuê kho	28.485.785	313.343.633
Công ty TNHH Y tế Alfresa Codupha Việt Nam	Công ty liên kết	Cung cấp dịch vụ	-	85.180.500
		Cho thuê kho	-	32.098.070
			<b>28.485.785</b>	<b>430.622.203</b>



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2021 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

**28. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)**

Vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm, các khoản phải thu và phải trả các bên liên quan như sau (tiếp theo):

VND				
<i>Bên liên quan</i>	<i>Mối quan hệ</i>	<i>Nội dung nghiệp vụ</i>	<i>Số cuối năm</i>	<i>Số đầu năm</i>
<b>Phải trả người bán ngắn hạn</b>				
Công ty TNHH Y tế Alfresa Codupha Việt Nam	Công ty liên kết	Mua hàng hóa	4.775.681.174	37.397.222.227
Công ty Cổ phần Dược phẩm Bến Tre	Cổ đông lớn	Mua hàng hóa	154.078.848	117.268.767
Công ty Cổ phần Dược Danapha	Công ty trong cùng tập đoàn	Mua hàng hóa	311.083.668	-
Công ty Cổ phần Dược phẩm Trung ương CPC3	Công ty trong cùng tập đoàn	Mua hàng hóa	-	90.542.056
			<b>5.240.843.690</b>	<b>37.605.033.050</b>
<b>Phải trả khác ngắn hạn</b>				
Tổng Công ty Dược Việt Nam – Công ty Cổ phần	Công ty mẹ	Cổ tức phải trả	-	8.485.750.000
Công ty Cổ phần Dược phẩm Bến Tre	Cổ đông lớn	Cổ tức phải trả		2.958.865.000
Công ty TNHH Y tế Alfresa Codupha Việt Nam	Công ty liên kết	Nhận đặt cọc cho thuê	-	84.000.000
				<b>11.528.615.000</b>

Thu nhập của các thành viên Hội đồng Quản trị, Ban Tổng Giám đốc và Ban Kiểm soát trong năm như sau:

	VND	
	<i>Thu nhập</i>	
	<i>Năm nay</i>	<i>Năm trước</i>
Ban Tổng Giám đốc	2.400.922.728	1.268.807.500
Hội đồng quản trị	1.426.800.000	2.654.944.500
Ban Kiểm soát	548.800.000	548.118.000
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>4.376.522.728</b>	<b>4.471.870.000</b>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2021 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

**29. CÁC CAM KẾT THUÊ HOẠT ĐỘNG**

***Bên đi thuê***

Nhóm Công ty thuê kho và thuê văn phòng theo các hợp đồng thuê hoạt động. Vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm, các khoản tiền thuê phải trả trong tương lai theo hợp đồng thuê hoạt động được trình bày như sau:

	VND	
	<i>Số cuối năm</i>	<i>Số đầu năm</i>
Đến 1 năm	36.988.560.000	9.674.420.000
Trên 1 đến 5 năm	71.761.320.000	9.144.260.000
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b><u>108.749.880.000</u></b>	<b><u>18.818.680.000</u></b>

***Bên cho thuê***

Nhóm Công ty hiện đang cho thuê văn phòng theo hợp đồng thuê hoạt động. Vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm, các khoản tiền thuê tối thiểu trong tương lai theo hợp đồng thuê hoạt động được trình bày như sau:

	VND	
	<i>Số cuối năm</i>	<i>Số đầu năm</i>
Đến 1 năm	<u>391.691.976</u>	<u>224.000.000</u>

**30. CÁC KHOẢN MỤC NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

	<i>Số cuối năm</i>	<i>Số đầu năm</i>
Ngoại tệ :		
Kip Lào (LAK)	786.848.539	18.358.000
Đô la Mỹ (USD)	12.741	2.630,51
Bath Thái (THB)	6.064	2.250,75
Euro (EUR)	1.252	890

**31. THÔNG TIN THEO BỘ PHẬN**

Một bộ phận là một hợp phần có thể xác định riêng biệt được của Nhóm Công ty tham gia vào việc cung cấp các sản phẩm hoặc dịch vụ liên quan (bộ phận chia theo hoạt động kinh doanh), hoặc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ trong một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận chia theo vùng địa lý), mỗi bộ phận này chịu rủi ro và thu được lợi ích khác biệt với các bộ phận khác. Hoạt động sản xuất và kinh doanh dược phẩm chủ yếu tạo ra doanh thu và lợi nhuận cho Nhóm Công ty, trong khi các khoản doanh thu khác chiếm tỷ trọng nhỏ trong tổng doanh thu của Nhóm Công ty. Vì vậy, Ban Tổng Giám đốc tin rằng Nhóm Công ty hoạt động trong một bộ phận kinh doanh duy nhất là sản xuất kinh doanh dược phẩm và các dụng cụ y tế.

Bộ phận theo khu vực địa lý của Nhóm Công ty được xác định theo địa điểm của tài sản của Nhóm Công ty. Doanh thu bán hàng ra bên ngoài trình bày trong bộ phận theo khu vực địa lý được xác định dựa trên địa điểm địa lý của khách hàng của Nhóm Công ty.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2021 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

**31. THÔNG TIN THEO BỘ PHẬN** (tiếp theo)

Thông tin về doanh thu, chi phí và một số tài sản của bộ phận theo khu vực địa lý của Nhóm Công ty như sau:

	Nội địa	Xuất khẩu	VND Tổng cộng
<b>Năm nay</b>			
Doanh thu			
<i>Doanh thu thuần từ bán hàng ra bên ngoài</i>	2.430.458.251.087	19.930.487.423	2.450.388.738.510
Các thông tin bộ phận khác			
<i>Tài sản bộ phận</i>	1.992.109.965.780	44.191.823.667	2.036.301.789.447
Chi phí hình thành tài sản cố định			
<i>Tài sản cố định</i>	2.072.779.165	-	2.072.779.165
<b>Năm trước</b>			
Doanh thu			
<i>Doanh thu từ bán hàng ra bên ngoài</i>	2.932.907.293.587	24.233.439.613	2.957.140.733.200
Các thông tin bộ phận khác			
<i>Tài sản bộ phận</i>	2.176.982.274.735	59.842.349.066	2.236.824.623.801
Chi phí hình thành tài sản cố định			
<i>Tài sản cố định</i>	4.461.781.379	-	4.461.781.379

**32. SỰ KIỆN QUAN TRỌNG TRONG NĂM**

**Đại dịch Covid-19**

Đại dịch Covid-19 đang dẫn đến sự suy thoái kinh tế và ảnh hưởng tiêu cực đến hầu hết các doanh nghiệp và ngành nghề. Tình hình này dẫn đến các yếu tố không chắc chắn và có thể tác động đến môi trường mà Nhóm Công ty đang hoạt động. Ban Tổng Giám đốc Nhóm Công ty vẫn đang tiếp tục theo dõi các diễn biến của tình hình, cũng như đánh giá các ảnh hưởng tài chính liên quan đến việc đánh giá tài sản, các khoản dự phòng và công nợ tiềm tàng, và đồng thời sử dụng các ước tính và xét đoán đối với các vấn đề khác nhau, dựa trên các thông tin tin cậy nhất có được đến ngày của báo cáo tài chính hợp nhất này.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2021 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

**33. CÁC SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN NĂM**

Không có các sự kiện trọng yếu nào phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán năm yêu cầu phải được điều chỉnh hay trình bày trong báo cáo tài chính hợp nhất của Nhóm Công ty.



Ngô Anh Tuấn  
Người lập



Ngô Thị Bích Thảo  
Kế toán trưởng



Bùi Hữu Hiền  
Tổng Giám đốc

Ngày 28 tháng 3 năm 2022